

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM KHÊ  
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 02-02-2021  
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Vũ Văn Thắng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Phan Thị Ánh Duyên  
2. Ông Nguyễn Văn Trò

**- Thư ký phiên toà:** Ông Đỗ Trọng Tú- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:**  
Bà Nguyễn Khánh Linh- Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXX-ST ngày 12 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T -sinh năm 2000; nơi cư trú: Khu Xuân Trường, xã Phụng Ví, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2 - **Bị đơn:** Anh Dư Thanh V -sinh năm 1995; nơi cư trú tại: Khu Đ, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 28/9/2020 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:* Chị T và anh Dư Thanh V tự nguyện kết hôn với nhau ngày 28/11/2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung nhà với mẹ đẻ anh V tại xã P và làm lao động tự do. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng

nói chung, thường xuyên nói cãi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 6/2020 đến nay, chị T về nhà bố mẹ đẻ của chị ở và vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh V.

*Tại bản tự khai ngày 08/11/2020 và trong quá trình giải quyết, bị đơn là anh Dư Thanh V trình bày:* Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời điểm phát sinh mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như chị Nguyễn Thị T đã trình bày. Theo anh V, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị T ham mê chơi điện thoại, không trông nom con cẩn thận làm con bị ngã thương tích dẫn tới vợ chồng cãi nhau, chị T bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay, không quan tâm tới nhau. Nay chị T đề nghị ly hôn, anh V không đồng ý, vì anh vẫn còn tình cảm thương yêu với chị T.

Về con chung: Hai bên thống nhất trình bày vợ chồng có 01 con chung là Dư Quốc P- sinh ngày 20/3/2019. Hiện con chung ở cùng anh V và bố mẹ đẻ anh V. Nếu ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh V đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Hai bên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

- Về tổ tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn không vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Dư Thanh V.
2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi con chung là Dư Quốc P- sinh ngày 20/3/2019 trực tiếp nuôi. Anh Dư T V không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.
3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “tranh chấp hôn nhân và gia đình” và nơi cư trú bị đơn là tại xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu, ý kiến của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh V bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của đương sự và chứng cứ thu thập được cho thấy, vợ chồng chị T, anh V chung sống hòa thuận được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống dẫn tới vợ chồng thường nói cãi nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Từ khoảng tháng 6/2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và mong muốn kéo dài cuộc sống chung chỉ xuất phát từ một bên nên chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận để bảo vệ quyền lợi chính đáng của phụ nữ. Anh V không đồng ý ly hôn nhưng trong thời gian vợ chồng sống ly thân và thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng về đoàn tụ nên đề nghị của anh V không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Con chung của vợ chồng dưới 36 tháng tuổi nên giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Hai bên không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 luật thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Dư Thanh V.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Dư Quốc P- sinh ngày 20/3/2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Dư Thanh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị T không yêu cầu.

2.2. Anh Dư Thanh V có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng ) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003780 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho bị đơn hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã P;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Vũ Văn Thắng**